

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **534/2022/HNGĐ-ST**.

Ngày : 20/7/2022.

V/v : “ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

: Bà Mai Thị Thu Dung

Các Hội thẩm nhân dân

: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ

2. Ông Đỗ Xuân Nam

- Thư ký phiên tòa

: Bà Trần Minh Tâm -

là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 492/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kiều N sinh năm: 1986

Thường trú: 270/26/22 PĐP, Phường 1, quận P, TP H.

ĐCLL: E1/12 ĐP, ấp 5, xã ĐP, huyện B, TP H.

(có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Võ Thanh H sinh năm: 1980

Thường trú: 270/26/22 PĐP, Phường 1, quận P, TP H.

(vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 28/10/2021 và các lời khai trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kiều N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kiều N và ông Võ Thanh H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2020, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2021 ngày 15/01/2021 tại UBND Phường 1, quận P, TP H.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn. Hai vợ chồng đã sống ly thân nhiều tháng nay, hai mẹ con bà N đã dọn ra ngoài thuê nhà sinh sống. Đến nay, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc

sống gia đình không có hạnh phúc, bà đề nghị Tòa án xem xét cho bà được ly hôn với ông Võ Thanh H.

Về con chung: Bà N và ông H có 01 người con chung là trẻ Võ Thiên K, sinh ngày 20/11/2020.

Bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc trẻ K đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông H đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

- **Bị đơn ông Võ Thanh H:** Ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án.

Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông H tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Do đó, Hội đồng xét xử công bố lời khai của các đương sự và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tòa án giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, xác định đúng thành phần tham gia tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ do Tòa án thu thập và do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn ông Võ Thanh H có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư ngụ tại quận P, Thành phố H nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận theo thủ tục tố tụng dân sự.

[1.2]. Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn:

Bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.3]. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Ngay sau khi Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của bà N về yêu cầu được ly hôn với ông H. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho ông H như: thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập làm bản tự khai; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2. Tuy nhiên, ông H không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không làm bản tự khai để trình bày ý kiến của ông về việc đồng ý ly hôn hay đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà N và ông H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà N trình bày thì quá trình chung sống, vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, không cùng suy nghĩ, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều tháng nay.

Đối với ông H, quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp bản khai, không đến Tòa án để hòa giải, trình bày ý kiến. Điều này cho thấy ông H không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà N.

Xét thấy, vợ chồng phải yêu thương, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống hàng ngày để xây dựng một gia đình ấm no hạnh phúc. Tuy nhiên, theo bà Nưng trình bày thì trong cuộc sống vợ chồng giữa bà N và ông H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài trong suốt thời gian dài, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều tháng nay, mỗi người ở một nơi. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà N về việc được ly hôn với ông H.

[2.2]. Về con chung: Bà N và ông H có 01 con chung là trẻ Võ Thiên K, sinh ngày 20/11/2020.

Bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc trẻ K đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông H đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, như đã phân tích ở trên, ông H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời khai trình bày ý kiến của ông H về quan hệ hôn nhân, cũng như về trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Bà N có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc trẻ K là hoàn toàn chính đáng và phù hợp vì hiện nay trẻ K còn nhỏ tuổi và đang được bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà N không yêu cầu ông H đóng góp cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. *Về tài sản chung*: Bà N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận về việc đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thị Kiều N được ly hôn với ông Võ Thanh H. Giấy chứng nhận kết hôn số 05 do UBND Phường 1, quận P, TP H cấp ngày 15/01/2021 cho bà Trần Thị Kiều N và ông Võ Thanh H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung*: Có 01 con chung là trẻ Võ Thiên K, sinh ngày 20/11/2020.

Giao bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc trẻ K đến khi trưởng thành.

Ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông H đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Ông Võ Thanh H có quyền thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết bà N, ông H đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Án phí của vụ án hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà Trần Thị Kiều N phải chịu nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0028913 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- UBND Phường 1, quận P, TP.H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thu Dung